

**M-1b**

(đo bằng chuẩn độ Bạc Nitrat -  $\text{AgNO}_3$ )

Tên trạm/điểm quan trắc: ..... Kinh độ (Y): ..... Vĩ độ (X): .....

Địa danh (xã, huyện, tỉnh): .....

Phương pháp đo: phương pháp Mo TCVN 6194:1996 Chất lượng nước – Xác định Clorua – Chuẩn độ Bạc Nitrat với chỉ thị Cromat

|             |         |                                                      |                                                                                   |                                                                          |                                                                    |           |         |                               |
|-------------|---------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------|---------|-------------------------------|
| S<br>t<br>t | Lấy mẫu | M<br>ұ<br>c<br>n<br>ұ<br>ó<br>c<br>H<br>(c<br>m<br>) | Đ<br>ộ<br>s<br>â<br>u<br>t<br>h<br>ủ<br>y<br>t<br>r<br>ự<br>c<br>h<br>(<br>m<br>) | N<br>h<br>i<br>ệt<br>độ<br>n<br>ư<br>ớ<br>c<br>T<br>( <sup>°</sup><br>C) | Đ<br>ộ<br>s<br>â<br>u<br>t<br>ầ<br>n<br>g<br>đ<br>o<br>(<br>m<br>) | Phân tích | Kết quả | Hiện<br>tượng<br>thời<br>tiết |
|-------------|---------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------|---------|-------------------------------|

[illegible]

[illegible]

|                     |  |  |  |                                              |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                               |  |
|---------------------|--|--|--|----------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|-------------------------------|--|
|                     |  |  |  |                                              |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                               |  |
|                     |  |  |  |                                              |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                               |  |
| Trị số đặc<br>trung |  |  |  | Độ mặn bình quân thủy trực lớn nhất Sđ (‰) = |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Ngày<br>:...<br>tháng<br>:... |  |
|                     |  |  |  | Độ mặn bình quân thủy trực nhỏ nhất Sc (‰) = |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Ngày<br>:...<br>tháng<br>:... |  |
|                     |  |  |  | Độ mặn bình quân của chu kỳ mặn Scm (‰) =    |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Ngày<br>:...<br>tháng<br>:... |  |

Người lấy mẫu  
(ký và ghi rõ họ tên)

Người đo và tính toán  
(ký và ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm ...  
Người kiểm tra và chỉnh lý  
(ký và ghi rõ họ tên)